

Số: 34/2019/QĐST-HNGĐ

Quế Võ, ngày 11 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH

Căn cứ khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 74/2019/TB-TLVD ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lâm Quang L, sinh năm 1981

STQ: Thôn Phù Hưng 3, xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

- Chị Phạm Thị Xuân T, sinh năm 1985

STQ: Thôn Cự Tự, xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Quang L và chị Phạm Thị Xuân T thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của anh Lâm Quang L và chị Phạm Thị Xuân T được ghi trong Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 03 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận anh Lâm Quang L và chị Phạm Thị Xuân T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Lâm Quang L và chị Phạm Thị Xuân T xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có sinh được 01 con chung là Lâm Thu Hiền, sinh ngày 09/02/2014. Hiện con chung đang do chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, anh L và chị T thỏa thuận, thống nhất chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Lâm Thu Hiền. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật và không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

[3] Về việc chia tài sản, công nợ, công sức: Anh Lâm Quang L và chị Phạm Thị Xuân T đề nghị được tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Lâm Quang L tự nguyện nộp cả tiền tạm ứng lệ phí và tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Quang L và chị Phạm Thị Xuân T tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Lâm Thu Hiền, sinh ngày 09/02/2014 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật và không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lâm Quang L tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0002903 ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. (Anh L đã nộp đủ)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quế Võ;
- Chi cục thi hành án H. Quế Võ;
- UBND xã Yên Thái;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tuyết Mai

*Mẫu số 31-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP
ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối
cao)*

**TÒA ÁN NHÂN
DÂN.....⁽¹⁾
-----**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----**

Số:/...../QĐST-
HNGĐ⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ⁽³⁾ Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ⁽⁴⁾ Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số...../...../TLST-HNGĐ⁽⁵⁾ ngày tháng năm..... về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân*
sự:⁽⁶⁾

.....
.....

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên*
quan:⁽⁷⁾

.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽⁸⁾

[1].....
.....

.....
.....

[2].....
.....

.....
.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

.....
.....
.....

- Về con chung:

.....
.....
.....

- Về tài sản chung:

.....
.....
.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....
.....

2. Về lệ phí Tòa án:

.....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].